

TIẾP BIẾN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG

LÝ XUÂN CHUNG*

I. Tiếp thu văn hóa ngoại lai một cách sáng tạo, biến thành một thành tố của văn hóa dân tộc, phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước

Vào thời cổ, trung đại, Ấn Độ và Trung Hoa có nền văn hóa lớn nhất ở khu vực châu Á và sự lan tỏa của nó sang các nước nhỏ xung quanh là tất nhiên. Trước khi Phật giáo Trung Hoa ảnh hưởng mạnh sang Việt Nam, thì Phật giáo Ấn Độ đã xuất hiện từ rất sớm. Từ thế kỷ thứ II, vùng Bắc Bộ Việt Nam đã hình thành Trung tâm Phật giáo Luy Lâu (nay là địa phận chùa Dâu, Bắc Ninh). Vào buổi sơ khai ấy, Phật giáo Ấn Độ được văn hóa Việt Nam tiếp nhận và đã kết hợp với tín ngưỡng dân gian Việt cổ, đặc biệt là tín ngưỡng thờ mẫu và tín ngưỡng cầu mưa của một xã hội nông nghiệp. Sau đó, Phật giáo được truyền vào Việt Nam và Hàn Quốc theo một kênh khác là Trung Quốc. Lần này, sự tiếp xúc mạnh mẽ hơn và dần dần hòa vào dòng chảy của văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Phật giáo trở thành tôn giáo chính thống của mấy triều đại phong kiến (quốc giáo). Từ vua đến quan cho tới dân chúng đều tôn sùng đạo Phật. Các sư sãi được kính trọng, được tham dự triều chính. Ở Việt Nam, tiêu biểu là Phật giáo thời Lý, thời Trần. Có nhiều vị sư tăng nổi tiếng như Vạn Hạnh, Mãn Giác, Viên Thông, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không, Giác Hải, Pháp Loa, Huyền Quang... đã có nhiều đóng góp đối với việc hoằng dương Phật pháp và phát triển đất nước. Ở Hàn Quốc, Phật giáo du nhập đầu tiên là mùa hè năm 392, năm thứ 2 triều vua Sosurim thời Koguryo. Bấy giờ, vua nước Chín (Tân) phái một nhà sư tên là Sando đến xứ Hàn, mang theo sách kinh Phật và tượng Phật. Hai năm sau, một nhà sư khác có tên là A-do của nước Chín (Tân) cũng tới đây truyền đạo. Để tạo điều kiện cho hai nhà sư truyền đạo, triều đình Koguryo đã cho xây hai ngôi chùa và đặt tên là Songmunsa và Ibullansa. Đây là hai ngôi chùa đầu tiên, là Trung tâm Phật giáo thuở sơ khai ở Hàn Quốc. Tiếp theo là Phật giáo từ Trung Quốc truyền vào Paekche và Shilla. Phật giáo vào Shilla là muộn hơn cả, nhưng lại phát triển nhanh. Tại đây đã sinh ra nhiều nhà sư có học vấn cao, võ thuật giỏi và tích cực tham gia hoạt động xã hội. Phật

* TS. Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

giáo dạy con người rất nhiều điều, trong đó nổi bật là sống từ bi, bác ái, làm điều thiện, không làm điều ác, ở hiền gặp lành, cứu nhân độ thế. Như vậy, Phật giáo nhấn mạnh đến tu dưỡng nhân cách con người. Đây là *tư tưởng lớn nhất* mà văn hóa và con người Việt Nam, cũng như Hàn Quốc tiếp nhận được từ Phật giáo. Tư tưởng lớn đó hòa hợp với tinh thần yêu nước sâu sắc vốn có của dân tộc Việt Nam và Hàn Quốc, đã tạo ra cho Phật giáo có một tư tưởng mới, đó là tư tưởng Phật giáo yêu nước. Và chính tư tưởng này đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Điều này xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử của hai nước. Ở Việt Nam, Phật giáo thời Lý – Trần là minh chứng rõ nét cho sự nghiệp chống giặc ngoại xâm. Ở Hàn Quốc, Phật giáo Shilla đã đóng góp công lớn trong sự nghiệp thống nhất. Các Phật tử Shilla đã lập ra Hội Hoa-rang và tinh thần yêu nước nổi bật ở Hội Hoa-rang là trung thành tuyệt đối với Shilla. Họ luyện tập võ nghệ, chiến đấu vì sự nghiệp thống nhất non sông, coi trọng nghĩa lý hơn cả sinh mạng. Đến khi hòa bình, họ lại lựa chọn niềm vui nơi cửa Thiền.

Bây giờ xin nói tới Nho giáo. Nho giáo vốn sản sinh ra ở Trung Quốc. Đến thời nhà Hán thì Nho giáo lan tỏa ra các nước láng giềng. Chữ Hán và Nho giáo theo chân đội quân viễn chinh người Hán vào Việt Nam từ năm 111 trước Công nguyên và vào Hàn Quốc từ năm 108 trước Công nguyên. Ở Việt Nam, trong suốt 1000 năm Bắc thuộc, sự truyền bá chữ Hán và Nho học không chỉ mang tính giao lưu, mà còn là sự áp đặt. Ở Hàn Quốc, trong khoảng hơn 100 năm bị nhà Hán cai trị, thì cũng có tình hình tương tự. Nhà Hán dùng chữ Hán trong công văn giấy tờ của cơ quan hành chính và bắt quan lại, nhân viên người bản địa phải học chữ Hán. Việt Nam và Hàn Quốc là những quốc gia văn hiến; bởi thế, thưở ban đầu tiếp nhận chữ Hán và Nho học còn rất hạn chế, thậm chí chống lại, đánh đồng với sự xâm lược, coi đó là nô dịch văn hóa chứ không phải là giao lưu văn hóa. Song, nhận thức đó dần dần thay đổi và hai dân tộc Việt, Hàn đã biết tiếp thu chữ Hán và Nho học một cách sáng tạo, biến nó trở thành công cụ tăng cường sức mạnh cho dân tộc.

Chữ Hán và Nho học ở Việt Nam và Hàn Quốc đã khẳng định được vị trí của mình. Ở Việt Nam đã xây dựng Văn Miếu vào năm 1070 và lập Quốc Tử Giám vào năm 1076 dưới triều Lý. Ở Hàn Quốc cũng xây dựng và thiết lập các tổ chức tương tự vào năm 958 thuộc triều đại Koryo. Đến thế kỷ XV, Nho giáo Việt Nam và Hàn Quốc phát triển thịnh vượng, song hành cùng Nho giáo Trung Quốc.

Văn hóa Nho giáo để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Nho giáo có tính chất tôn giáo (như thờ cúng tổ tiên; tế lễ ở Văn Miếu, Tông Miếu và đàn Nam Giao...), nhưng vai trò chính của nó được coi là một học thuyết chính trị – xã hội. Nó qui định rất nghiêm ngặt các hành vi văn hóa – xã hội, như quan, hôn, tang, tế, các tập tục, lễ hội, các nghi thức xã hội... Trong suốt thời gian dài hàng thế kỷ, văn hóa Nho giáo đã tạo ra một diện mạo mới cho văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Đó là một tiếp biến văn hóa tích cực. Diện mạo mới đó là nêu cao tư tưởng “Nhân”, “Nghĩa” và “Lễ”, mà “Nhân”, “Nghĩa” ở đây là “cốt để yên dân” (Việc Nhân Nghĩa cốt ở yên dân – Nguyễn Trãi). Văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc biết tiếp biến văn hóa ngoại lai để tăng sức mạnh cho dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giữ vững chủ quyền đất nước.

II. Tiếp biến văn hóa, nhưng Việt Nam và Hàn Quốc vẫn giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc

Trong quá trình giao lưu, tiếp biến với các nền văn hóa khác, từ văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa thời cổ, trung đại đến văn hóa Pháp, Nhật, Mỹ và thế giới thời cận, hiện đại, hai nền văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc vẫn luôn giữ vững được bản sắc văn hóa dân tộc của mình.

Trong lịch sử văn hóa phương Đông, không ít nền văn hóa trong quá trình tiếp biến với văn hóa Trung Hoa đã mất hẳn diện mạo, mất hẳn văn hóa của mình, tức là nền văn hóa đó đã bị Hoa hóa về văn hóa và biến mất, điển hình là ở triều đại Mãn Thanh. Nhiều ý kiến cho rằng, Việt Nam và Hàn Quốc trải qua mấy nghìn năm chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa, nên mang đậm dấu ấn Trung Hoa. Đánh giá như vậy, cũng có nghĩa là xác định sự ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Trung Hoa đối với hai vùng văn hóa này. Nhưng không có ý kiến nào khẳng định rằng, văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc đã bị Hoa hóa. Trong quá trình tiếp biến văn hóa Trung Hoa của Việt Nam và Hàn Quốc có nhiều nét tương đồng, nhưng không bị đồng hóa về văn hóa. Việt Nam và Hàn Quốc vẫn giữ vững được những bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Tiếp biến văn hóa là để bổ sung những yếu tố mới, tiến bộ và hiện đại vào nền văn hóa truyền thống, làm phong phú hơn, hiện đại hơn nền văn hóa dân tộc. Có thể coi đó là đặc điểm chung của văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Điều này thể hiện rõ nét ở thời cận, hiện đại. Khoảng 80 năm thực dân Pháp cai trị Việt Nam, 36 năm Nhật Bản thống trị Hàn Quốc, là những khoảng thời gian không dài so với lịch sử, nhưng có thể nói là những giai đoạn tiếp biến văn hóa diễn ra rất mạnh, rất nhanh và mang tính đột biến đổi

với nền văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Sự tiếp xúc văn hóa Việt – Pháp và Hàn – Nhật, có thể coi như một loại xúc tác rất mạnh, tạo ra một sự phát triển mới có tính đột biến. Trước hết là những thay đổi về kinh tế: Những con đường lớn, các tuyến đường sắt được mở; các nhà máy, xí nghiệp được xây dựng (đặc biệt là nhà máy xí nghiệp phục vụ cho công nghiệp khai khoáng và chế biến); các khu đô thị nhỏ mọc lên, đèn điện và nước máy khử trùng xuất hiện; các cửa hàng buôn bán mọc lên rất nhiều ở các đô thị; các trường đại học, cao đẳng theo chế độ học tập, thi cử kiểu phương Tây đã được xây dựng ở các thành phố lớn, ngoại ngữ xâm nhập rất mạnh. Thêm vào đó, các chính sách quy hoạch đất đai, xây dựng đồn điền (điển hình là hàng nghìn đồn điền cao su ở Việt Nam), khảo sát ruộng đất, xây dựng chế độ hành chính mới, chính sách thuế, chế độ cảnh sát, xây dựng hệ thống thủy lợi có máy bơm nước.... đã mở đầu cho sự chuyên hóa mang tính cận, hiện đại. Nhìn từ góc độ của một dân tộc bị xâm lược, thì đây chẳng qua là bọn thực dân, đế quốc tạo ra những cơ sở kinh tế nhằm tăng cường sự tiện lợi cho việc thống trị và khai thác thuộc địa. Tuy nhiên, cùng với kinh tế đã kéo theo những thay đổi về văn hóa. Nhìn từ góc độ tiếp biến văn hóa, thì chính nó đã khiến cho diện mạo văn hóa của Việt Nam và Hàn Quốc có sự biến đổi theo xu hướng hiện đại.

Bước sang thời hiện đại, sau năm 1954, lịch sử đã chứng kiến sự xâm nhập mạnh và ồ ạt của hàng hóa, đồ dùng sinh hoạt Mỹ, vật phẩm văn hóa và súng đạn, bạo lực kiểu Mỹ vào miền Nam Việt Nam và Hàn Quốc. Sự bảo trợ của Mỹ đã khiến cho nhiều người sùng bái Mỹ, văn hóa Mỹ. Một lần nữa, bản lĩnh văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc lại được thử thách. Trải qua mấy chục năm, những gì không phù hợp với bản sắc văn hóa của hai nước Việt, Hàn đã bị loại bỏ. Văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc chỉ tiếp nhận có chọn lọc những nét văn hóa ưu việt mà thôi.

III. Tiếp nhận những nét mới của văn hóa ngoại lai để tạo nên một sự đa dạng, hài hòa hơn trong một bản sắc văn hóa riêng

Suốt mấy nghìn năm, văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc đã tiếp nhận văn hóa ngoại lai đến từ Ấn Độ và Trung Hoa, tương chừng như diện mạo văn hóa đã khá ổn định và có nhiều nét giống nhau. Song, vào thời kỳ cận, hiện đại, văn hóa phương Tây tràn vào đã mang lại nhiều nét mới. Điển hình ở Việt Nam là sự đổi mới về ngôn ngữ, chữ viết, văn chương thi ca, nhạc họa, “chuyển từ một mô hình còn mang nhiều ảnh hưởng của Nho giáo và hình thức Trung Hoa sang một mô hình mới,

hiện đại và Việt Nam”.¹ Điển hình ở Hàn Quốc là sự hiện diện và phát triển nhanh chóng của hai tôn giáo Thiên Chúa và Tin Lành.

Ngoài những điển hình trên, các mặt của đời sống văn hóa về trang phục, ẩm thực, kiến trúc và đặc biệt là tư tưởng cũng có những chuyển biến sâu sắc.

Việc tạo ra một chữ viết mới theo hệ La tinh ở Việt Nam tựa như một đột phá khâu, mở lối cho văn hóa phương Tây ào vào Việt Nam, trước tiên là tôn giáo phương Tây (Thiên Chúa và Tin Lành). Chữ viết mới đã trở thành công cụ giao tiếp tối ưu để văn hóa Việt Nam nhanh chóng hòa nhập với văn hóa thế giới, nhanh chóng mang lại những nét mới cho văn hóa Việt Nam.

Ở Hàn Quốc, hai tôn giáo Thiên Chúa và Tin Lành được du nhập và phát triển nhanh chóng. Sự phát triển của hai tôn giáo này nếu chỉ dùng từ “bùng nổ” thì cũng khó hình dung, mà phải trải nghiệm thực tế ở Hàn Quốc, vào một dịp Giáng sinh nào đó². Ở đây, chúng tôi chỉ nói tới một điều là nét văn hóa mới hình thành ở Hàn Quốc vào dịp cuối năm đã làm phong phú thêm cho sinh hoạt văn hóa lễ hội ở Hàn Quốc. Ở Hàn Quốc hiện có rất nhiều lễ hội truyền thống³, chủ yếu tập trung vào mùa xuân và mùa thu, nổi bật là lễ Thượng nguyên rằm tháng giêng và Lễ Thu tịch rằm tháng tám. Vào mùa hè còn có một lễ hội rất lớn – lễ Phật đản của Phật giáo. Do Phật giáo hiện nay là tôn giáo lớn nhất ở Hàn Quốc, nên dịp lễ này thường được tổ chức với qui mô lớn. Đây cũng là dịp để Phật giáo xứ Hàn hoằng dương Phật pháp, nên Lễ hội Phật đản không chỉ dừng lại ở khuôn viên chùa chiền trong núi sâu, mà lan tỏa xuống khắp các đô thị. Đúng ngày Phật đản, ở Seoul cũng như các thành phố lớn, một cuộc diễu hành với sự tham gia đông đảo của tăng ni Phật tử được tổ chức rất hoành tráng. Ngày này là ngày lễ lớn mang tính quốc gia, nên toàn thể công chức được nghỉ, tạo điều kiện cho mọi người có thể tham gia lễ hội. Ngày nay, Hàn Quốc có thêm một lễ hội lớn vào mùa đông – lễ Giáng sinh. Lễ Giáng sinh là ngày hội lớn nhất của tín đồ hai tôn giáo Thiên Chúa và Tin Lành. Các nhà thờ được trang hoàng lộng lẫy và không khí tươi vui của ngày lễ không chỉ ở riêng trong nhà thờ và cộng đồng giáo dân, mà còn lan rộng ra toàn xã hội. Biểu hiện cho sự lan rộng niềm vui không chỉ khuôn lại trong lĩnh vực tinh thần, mà lan sang cả lĩnh vực kinh tế. Mùa Giáng sinh còn được gọi là mùa mua sắm. Những

¹ Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, tr. 447.

² Xem thêm: Ngô Xuân Bình, Phạm Hồng Thái (chủ biên), (2007), *Tôn giáo Hàn Quốc và Việt Nam: Nghiên cứu so sánh*, Hà Nội.

³ Các tư liệu ở Việt Nam viết về văn hóa Hàn Quốc đều ghi Hàn Quốc có tới 500 lễ hội (?).

trang thiết bị phục vụ cho Lễ Noel đến sản phẩm vật chất và văn hóa gia đình trong dịp lễ được bày bán khắp nơi với nhiều hình thức quảng cáo sôi động, hấp dẫn, tạo cho xã hội Hàn Quốc năng động hơn, tươi mới hơn. Lễ Giáng sinh đã vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo thuần túy và có đóng góp vào việc làm mới hơn, phong phú thêm những sinh hoạt văn hóa ở Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, những nét mới trong thời trang, ẩm thực, kiến trúc cũng hiện hữu và được phát huy ở cả Hàn Quốc và Việt Nam. Ở Việt Nam, rõ nét nhất là chiếc áo dài truyền thống đã được cách tân làm xuất hiện nhiều mới mẻ lạ; thói quen và phong cách uống cà phê, bia hơi trở thành một nét mới trong văn hóa ẩm thực Việt Nam...

Tiếp nhận văn hóa ngoại lai, tạo lập bản sắc văn hóa mới rồi lan tỏa cũng là một điểm rất đáng lưu ý trong sự phát triển văn hóa ở Việt Nam và Hàn Quốc hiện nay.

IV. Tính dung hòa của văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc

Việt Nam có vị trí địa lý đặc biệt, thuận lợi cho sự giao lưu kinh tế và văn hóa theo các hướng Đông - Tây - Nam - Bắc. Hàn Quốc là trung tâm Đông Bắc Á, cũng là nơi thuận lợi để hội tụ nhiều nền văn hóa. Việt Nam và Hàn Quốc đều có bờ biển dài. Yếu tố biển đã tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế và văn hóa. Thực tế đã chứng minh hai nước đã có sự giao lưu, hội tụ giữa các nền văn hóa, khiến cho nền văn hóa của hai nước đã tiếp nhận những tinh hoa văn hóa của nhiều dân tộc trong khu vực và thế giới.

Trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa khu vực và thế giới, một đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa nhân văn trong văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc là tính dung hòa. Nói đến tính dung hòa, người ta thường nghĩ tới triết lý mang đậm chất Phật giáo. Nhưng, khác với triết lý bao dung, nhân từ của Phật giáo, văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc chỉ dung hòa với những người lương thiện, khoan dung với những người lầm lỡ, biết nhận ra sai lầm và hối cải, chứ không nhân từ với kẻ tham lam, lũng đoạn làm bậy hoặc kẻ xâm lược Tổ quốc của mình.

Xét từ lịch sử đấu tranh của hai dân tộc, không ít lần hai dân tộc phải đương đầu với chiến tranh xâm lược. Nhưng, khi chiến tranh kết thúc, cả hai dân tộc đều thể hiện rõ lòng nhân đạo, tinh thần hòa bình, hữu nghị, với chính kẻ đi xâm lược:

“Sửa hòa hiếu giữa hai nước,

Tắt muôn đời chiến tranh.

Chỉ cần vụn đất,
Cốt sao an lành.”

(Nguyễn Trãi; Chí Linh sơn phú)

Xét từ khía cạnh hòa hợp tôn giáo, hiện tượng tam giáo (Nho, Phật, Lão) đồng nguyên trong lịch sử là một minh chứng. Dẫu có lúc tôn giáo này độc tôn, tôn giáo kia bị hạ thấp giá trị. Song, sự hiện diện của ba tôn giáo này suốt trong chiều dài lịch sử đã thể hiện rõ tính dung hòa của văn hóa hai nước.

Chính tính dung hòa đã tạo nên một nền văn hóa khoan dung, văn hóa “trọng tình” và thấm sâu vào máu thịt bao đời của dân tộc Việt Nam và Hàn Quốc. Đây là nền tảng văn hóa vững chắc của người Việt và người Hàn mà giới nghiên cứu văn hóa cho là “cái bất biến” để ứng phó với “cái vạn biến”. Chỉ có thể lý giải như vậy mới có thể hiểu được hai dân tộc Việt, Hàn, dù đã trải qua hàng nghìn năm hội nhập và tiếp biến với các nền văn hóa khác trên thế giới mạnh hơn rất nhiều, nhưng hai dân tộc vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình. Hơn thế nữa, còn thu nhận thêm nhiều tinh hoa của các nền văn hóa khác, làm phong phú và giàu có thêm kho tàng văn hóa của chính dân tộc mình./.

Tài liệu tham khảo

1. Cơ quan hải ngoại Hàn Quốc, (2006), *Hàn Quốc: Đất nước con người*; Seoul Hàn Quốc; Hà Nội.
2. *Xã hội Hàn Quốc hiện đại*; Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
3. Mai Thanh Hải (2006), *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, Tập III.
4. Viện Nghiên cứu tôn giáo xã hội Hàn Quốc, (1993), *Niên giám tôn giáo Hàn Quốc*, Seoul.
5. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Hàn Quốc; *Tôn giáo ở Hàn Quốc và Việt Nam: Nghiên cứu so sánh*.
6. *Lịch sử Hàn Quốc*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Hàn Quốc, (1996), *Lịch sử và văn hoá*, Nxb. Văn hoá.
8. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7 (77), năm 2007.
9. www.korea.net và www.hanquocngaynay.com
10. Seo jung min; *Lịch sử của giáo hội Hàn Quốc*; Nxb. Salim Seoul 2003.
11. Ngô Xuân Bình (chủ biên), (2007), *Những vấn đề xã hội của Hàn Quốc*, Nxb. Lao động.
12. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7 (67), 2006.
13. *Hàn Quốc lịch sử và văn hoá*; Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995.
14. Lê Quang Thiêm (2005), *Khái niệm văn hoá văn minh, văn hoá truyền thống Hàn*; Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Bộ Ngoại giao (Việt Nam) (1995), *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị quốc gia.
16. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học.